Viên nén bao phim Cebrex

Cao khô lá Ginkgo biloba (EGb 761)

Thành phần:

Hoạt chất: mỗi viên nén bao phim chứa cao khô lá Ginkgo biloba 40mg, được tiêu chuẩn hoá để đạt 9,6mg Ginkgo flavone glycoside và 2,4mg Terpenlactone (Ginkgolide, Bilobalide).

Tá dược: Lactose, Silicon dioxide colloidal, Microcrystalline cellulose, Tinh bột ngô, Croscarmellose natri, Magiê stearat.

Bao phim: Hypromellose, Macrogol 1500, Titanium dioxide E 171, Dimeticon, Talc, Sắt oxid hydrat E 172

Dược lực học:

• *Ức chế tác nhân hoạt hoá tiểu cầu (PAF):*

Thuốc có tác dụng ức chế PAF (Platelet Activation Factor) bằng cách đối kháng cạnh tranh ở receptor PAF làm giảm sự kết tập tiểu cầu do PAF, giảm sự thấm nhập nội mạc, giảm co hẹp phế quản và giảm các đáp ứng viêm.

• *Phân huỷ các gốc tự do:*

Thuốc có tác dụng phân huỷ các tế bào gốc tự do trong cơ thể và ức chế sự tạo thanh các lipoperoxide. Vì thế bảo vệ màng tế bào tránh khỏi hàng loạt các tổn hại gây ra bởi các gốc tự do.

• *Cải thiện sự tưới máu:*

Thuốc có tác dụng làm giảm độ nhớt máu và tăng độ đàn hồi của hồng cầu và bạch cầu, do đó cải thiện được vi và đại tuần hoàn.

• *Bảo vệ mô:*

Thuốc có tác dụng làm tăng sự cung cấp glucose và oxy đến các mô bị thiếu máu. Thuốc cũng làm tăng mật độ receptor dẫn truyền thần kinh như receptor muscarinic, adrenergic và serotonergic.

• *Điều hào trương lực mạch máu:*

Thuốc có tác dụng duy trì trương lực động và tĩnh mạch thông qua việc đẩy phóng thíc hcatecholamine và ức chế sự thoái biến, làm giãn động mạch thông qua việc thúc đẩy sự sinh sản prostacylin và EDRF.

Dược động học:

Sau khi uống lượng 80 mg cao khô Ginkgo biloba chứa EGb 761, nồng độ huyết tương đỉnh cho ginkgolide A là 15mg/ml, ginkgolide B là 4 ng/ml và bilobalide là khoảng 12 ng/ml. Nửa đời sinh học là 3,9 giờ (ginkgolide A), 7 giờ (ginkgolide B) và 3,2 giờ (bilobalide)

Chỉ định:

Thuốc này được chỉ định chủ yếu trong điều trị rối loạn tuần hoàn não và ngoại biên.

1) Suy tuần hoàn não cấp và mãn tính, giảm chú ý tập trung, giảm trí nhớ, mất trí do xơ cứng mạch máu não và các tình trạng xảy ra sau đột quỵ.
2) Rối loạn tuần hoàn máu và thần kinh ở tai: ù tai, chóng mặt.
3) Rối loạn tuần hoàn máu và thần kinh ở mắt: bệnh võng mạc do tiểu đường, thoái hoá hoàng điểm ở tuổi già.
4) Rối loạn tuần hoàn máu ngoại biên và thần kinh: các bệnh tắc nghẽn động mạch ngoại biên, khập khiễng gián cánh, tê cóng cánh tay.

Liều dùng và cách dùng:
Dùng đường uống.
Trừ phi được chỉ định: uống 1 -2 viên bao phim, 3 lần/ngày.

Tác dụng không mong muốn:
Đã quan sát thấy rối loạn tiêu hoá nhẹ, chóng mặt, nhức đầu, dị ứng da, nhịp tim nhanh. Xuất huyết đã được ghi nhận ở một số trường hợp riêng lẻ sau điều trị dài ngày với các thành phẩm chứa Ginkgo biloba. Tuy nhiên, mối liên quan gây ra chứng xuất huyết đó với việc sử dụng các thành phẩm Ginkgo biloba chưa được khẳng định.
Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Thận trọng và cảnh báo:
Trước khi bắt đầu trị liệu với cao Ginkgo biloba, cần làm rõ để loại trừ việc các triệu chứng bệnh lý là biểu hiện của một bệnh sẵn có cần đến trị liệu đặc hiệu. Khi chóng mặt và ù tai xảy ra thường xuyên, cần được thầy thuốc kiểm tra để làm rõ nguyên nhân. Trong trường hợp đột ngột suy giảm thính giác hoặc bị điếc, cần đến khám bác sĩ ngay.
Lưu ý:
Thuốc không gây tác dụng đối nghịch trên quá trình chuyển hoá đường nên dùng được cho các bệnh nhân đái tháo đường.

Chống chỉ định:
Quá mẫn cảm với cao Ginkgo biloba.
Do không có bằng chứng lâm sàng đầy đủ cho việc dùng thuốc trong thai kỳ nên không dùng thuốc cho phụ nữ có thai.

Qúa liều:
Chưa có báo cáo về quá liều cao khô lá Ginkgo biloba. Tuy nhiên đã có ghi nhận về xuất hiện co giật sau khi dùng lượng lớn hạt Ginkgo. Co giật được cho là gây ra bởi sự có mặt của 4-metoxypyridoxine là chất đối kháng cạnh tranh với pyridoxine. Dùng Vitamin B6 có thể giúp tránh co giật đó.

Tương tác:
Không nên dùng đồng thời với các thuốc chống đông máu

Sử dụng cho phụ nữ có thai và bà mẹ cho con bú:
Do không có bằng chứng lâm sàng đầy đủ cho việc dùng thuốc trong thai kỳ nên khuyến cáo không nên dùng thuốc này cho phụ nữ có thai.
Cũng chưa biết rõ các thành phần ở cao này có tiết vào sữa mẹ không. Khuyến cáo các bà mẹ nên ngừng cho con bú khi dùng thuốc.

Tác động lên khả năng lái xe và vận hành máy móc: chưa có báo cáo

Đóng gói:
Hộp 1 vỉ hoặc 6 vỉ x 20 viên nén bao phim.

Điều kiện bảo quản:
Bảo quản thuốc ở nơi khô và mát dưới 30°C.

Tiêu chuẩn chất lượng: tiêu chuẩn nhà sản xuất.

Hạn dùng: 60 tháng kể từ ngày sản xuất.
Không dùng khi thuốc quá hạn sử dụng ghi trên bao bì.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.
Để thuốc xa tầm tay trẻ em.

Nhà sản xuất: Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG
Willmar – Schwabe - Str. 4, D – 76227 Karsruhe, Germany
Tel.: (0721) 4005-0 Fax: (0721) 4005202

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

S.Đ.K.K.D:4103009145-C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM
DUY TÂN
QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH